BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ KHÍ NÔNG NGHIỆP

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 13: Từ 07/04 Đến 13/04/2025

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 07/04	Sáng	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 3 08/04	Sáng	1			Lắp đặt và lập trình thiết bị điều khiển trong công nghiệp Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)			CAD/CAM - CNC (Phòng CAD/CAM/CNC)									Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)		Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)
		2																	
		3															Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.203)
		4															Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.201)		
		5																	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.203)
	Chiều	6		Tự động hóa quá trình sản xuất Trần Văn Kiên (X23.208.Phòng học PLC)									Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)				Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	
		7													Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	
		8											Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)				Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	
		9													Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.102)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.102)			
		10											CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)				Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	
Thứ 4 09/04	Sáng	1			Lắp đặt và lập trình thiết bị điều khiển trong công nghiệp Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)			CAD/CAM - CNC (Phòng CAD/CAM/CNC)											Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.203)
		2																	
		3																	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)
		4																	Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)
		5																	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)
	Chiều	6		Tự động hóa quá trình sản xuất Trần Văn Kiên (X23.208.Phòng học PLC)									Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.407)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.407)			Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	
		7													Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.102)		Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	
		8											Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)	Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	
		9											Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	
		10											Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)			Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 10/04	Sáng	1			Lắp đặt và lập trình thiết bị điều khiển trong công nghiệp Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)			CAD/CAM - CNC (Phòng CAD/CAM/CNC)									HĐHNTN 12_2 Chu Thị Tình (H5.201)		HĐHNTN 12_2 ()
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6		Tự động hóa quá trình sản xuất Trần Văn Kiên (X23.208.Phòng học PLC)									Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tình (H5.102)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tình (H5.102)		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.202)	
		7																	
		8											Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.407)	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	
		9													Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)			
		10											Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	
Thứ 6 11/04	Sáng	1			Lắp đặt và lập trình thiết bị điều khiển trong công nghiệp Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)												Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)		Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)
		2															CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)		
		3															CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)
		4															Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		
		5																	CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)
	Chiều	6		Tự động hóa quá trình sản xuất Trần Văn Kiên (X23.208.Phòng học PLC)									HĐHNTN 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	HĐHNTN 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)		HĐHNTN 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 12/04	Sáng	1															Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)		
		2																	
		3															Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		
		4																	
		5																	
	Chiều	6											CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)			Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai ()
		7											Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	
		8													CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)		CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến ()
		9													Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)		Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	
		10																	
Chủ nhật 13/04	Sáng	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 13: Từ 07/04 Đến 13/04/2025

LỚP			62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVGK1	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVS4
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 07/04	Sáng	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 3 08/04	Sáng	1	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)		Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)		Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	
		2				Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)				Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.304)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.304)	
		3	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.203)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)			
		4	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.201)		Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.203)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)		CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	
		5				Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)		Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)			
	Chiều	6		Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)															
		7		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)									Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)						
		8		Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)															
		9											Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)						
		10		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)															
Thứ 4 09/04	Sáng	1			Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.203)	CCĐ Toán học 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	HĐHNTN 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐHNTN 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)		CCĐ Toán học 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	
		2				Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)							Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)		Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	
		3			CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)				Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Anh Vân (H5.201)			Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)	
		4			Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)				Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)			Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)		Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.304)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.304)	
		5			Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)					Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)		Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)						
	Chiều	6	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)					Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.101)			Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.101)			Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)				
		7	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.202)															
		8	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)	Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)					Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)			Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)			CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)				
		9		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)					Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)			Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)			CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)				
		10	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.202)											Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)				

LỚP			62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVGK1	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVS4
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 10/04	Sáng	1	HĐHNTN 12_2 Chu Thị Tình (H5.201)		HĐHNTN 12_2 ()	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)				HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)			HĐHNTN 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)			
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.202)			Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.103)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.103)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.101)			Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.101)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)		HĐHNTN 12_2 Trần Thị Kim Liên ()	HĐHNTN 12_2 Trần Thị Kim Liên ()	
		7													Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)				
		8		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)			Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.103)	Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.103)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.302)		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)				
		9					Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)							Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.303)				
		10		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)					CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)			CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)		Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)				
Thứ 6 11/04	Sáng	1	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)		Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.102)			HĐHNTN 12_2 (H5.101)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	HĐHNTN 12_2 (H5.101)		Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	
		2	CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)				Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)											
		3	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.204)	Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.204)		Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)			Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)	
		4	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.204)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.204)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)			CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	
		5			CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)									Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)					
	Chiều	6		HĐHNTN 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)									HĐHNTN 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		HĐHNTN 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)				
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 12/04	Sáng	1	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)			Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)			Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)		Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)			
		2				Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.102)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)		Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.102)			
		3	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)				Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tình (H5.101)			Vật lý 12_2 Chu Thị Tình (H5.101)							
		4					Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)											
		5					Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)											
	Chiều	6			Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai ()								Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.302)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)		Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền ()	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền ()	
		7		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)											Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)		Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý ()	Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý ()	
		8		CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến ()								CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)				
		9		Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)									Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)						
		10																	
Chủ nhật 13/04	Sáng	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 13: Từ 07/04 Đến 13/04/2025

LỚP			62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 07/04	Sáng	1									Trang bị điện máy công cụ ()								
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 3 08/04	Sáng	1		Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.103)	Lập trình PLC Trịnh Xuân Bình (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Điều khiển khí nén- thủy lực Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)		Lập trình C cho vi điều khiển Phạm Duy Quyết (X22.103)	Trang bị điện máy công cụ ()	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)					Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.407)	
		2																	
		3		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)													CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)	
		4		CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)													Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)	
		5		Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)															
	Chiều	6				Lập trình PLC Trịnh Xuân Bình (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)		Kỹ thuật số Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Lập trình C cho vi điều khiển Phạm Duy Quyết (X22.103)			Quản lý bao bì và rác thải Đặng Thị Thu Hà (H3.207)						
		7	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.302)																
		8																	
		9	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)																
		10																	
Thứ 4 09/04	Sáng	1	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.201)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Điều khiển khí nén- thủy lực Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)			Trang bị điện máy công cụ ()	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)							
		2	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.201)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)														Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)	
		3	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)															Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)	
		4		Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)														Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)	
		5	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)															CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)	
	Chiều	6			Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)	Lập trình PLC Trịnh Xuân Bình (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)			Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Lập trình C cho vi điều khiển Phạm Duy Quyết (X22.103)			Quản lý bao bì và rác thải (H3.207)					Truyền động điện Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Truyền động điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)
		7																	
		8			CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)														
		9			CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.303)														
		10			Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)														

LỚP			62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 10/04	Sáng	1		HĐHNTN 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)			Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Điều khiển khí nén- thủy lực Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)			Kế toán máy Bùi Thu Trang ()	Quan hệ với nhà cung cấp và khách hàng (H3.106_Khoa SP- KT)					HĐHNTN 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Lập trình PLC Trịnh Xuân Bình (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)			Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Lập trình C cho vi điều khiển Phạm Duy Quyết (X22.103)								Truyền động điện Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Truyền động điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)
		7			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)														
		8	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.302)		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)														
		9			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.303)														
		10	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)		Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)														
Thứ 6 11/04	Sáng	1		Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)			Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Điều khiển khí nén- thủy lực Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)				Kế toán máy Bùi Thu Trang (TV_THI TN03)						CCĐ Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)	
		2																Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)	
		3		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)														Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.407)	
		4		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)															
		5		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)														CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)	
	Chiều	6	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		HĐHNTN 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)	Lập trình PLC Trịnh Xuân Bình (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)		Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Lập trình C cho vi điều khiển Phạm Duy Quyết (X22.103)									Truyền động điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 12/04	Sáng	1		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)														Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)	
		2		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)															
		3																Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)	
		4																	
		5																CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)	
	Chiều	6	Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.302)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)														
		7			Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)														
		8	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)														
		9	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)																
		10																	
Chủ nhật 13/04	Sáng	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 13: Từ 07/04 Đến 13/04/2025

LỚP			63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 07/04	Sáng	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 3 08/04	Sáng	1	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	Truyền động điện Nguyễn Văn Tỉnh ()	Truyền động điện Cao Thị Thu ()	Trang bị điện Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Nguyễn Trung Tuệ ()					Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Bùi Công Kết (X22.307)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.309)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Kỹ thuật số nâng cao Trần Quốc Phương (X22.203)	Lập trình C cho vi điều khiển Phạm Ngọc Ánh (X22.109)		
		2	CCĐ Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	CCĐ Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)															
		3	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)															
		4	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.307)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.307)															
		5																	
	Chiều	6	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.308.Phòng học Đo lường)					Trang bị điện Ng Hồng Thao ()	Trang bị điện Phạm Quang Thắng ()									Vi điều khiển Lưu Quang Hưng ()
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 4 09/04	Sáng	1	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Truyền động điện Nguyễn Văn Tỉnh ()	Truyền động điện Cao Thị Thu ()	Trang bị điện Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Nguyễn Trung Tuệ ()					Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Bùi Công Kết (X22.307)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.309)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Kỹ thuật số nâng cao Trần Quốc Phương (X22.203)	Lập trình C cho vi điều khiển Phạm Ngọc Ánh (X22.109)		
		2																	
		3	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)															
		4	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)															
		5																	
	Chiều	6	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.308.Phòng học Đo lường)						Trang bị điện Phạm Quang Thắng ()							Lập trình C cho vi điều khiển Nguyễn Văn Chiểu ()	Vi điều khiển Lưu Quang Hưng ()
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

LỚP			63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 10/04	Sáng	1	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Truyền động điện Nguyễn Văn Tỉnh ()	Truyền động điện Cao Thị Thu ()	Trang bị điện Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Nguyễn Trung Tuệ ()					Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Bùi Công Kết (X22.307)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.309)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Kỹ thuật số nâng cao Trần Quốc Phương (X22.203)	Lập trình C cho vi điều khiển Phạm Ngọc Ánh (X22.109)		
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.308.Phòng học Đo lường)						Trang bị điện Phạm Quang Thắng ()								Lập trình C cho vi điều khiển Nguyễn Văn Chiểu ()	Vi điều khiển Lưu Quang Hưng ()
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 6 11/04	Sáng	1	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Truyền động điện Nguyễn Văn Tỉnh ()	Truyền động điện Cao Thị Thu ()	Trang bị điện Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Nguyễn Trung Tuệ ()						Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.309)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)				
		2																	
		3	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.307)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.307)															
		4																	
		5	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)															
	Chiều	6		Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.308.Phòng học Đo lường)						Trang bị điện Phạm Quang Thắng ()								Lập trình C cho vi điều khiển Nguyễn Văn Chiểu ()	Vi điều khiển Lưu Quang Hưng ()
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 12/04	Sáng	1	CCĐ Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCĐ Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Truyền động điện Nguyễn Văn Tỉnh ()	Truyền động điện Cao Thị Thu ()													
		2	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)															
		3	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)															
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	Vi điều khiển Lưu Quang Hưng ()
		9																	
		10																	
Chủ nhật 13/04	Sáng	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 13: Từ 07/04 Đến 13/04/2025

LỚP			63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 07/04	Sáng	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 3 08/04	Sáng	1	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.407)		Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)		CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)				Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Sửa chữa bộ nguồn máy tính Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)			Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Anh Vân (H5.404)		Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Anh Vân (H5.404)
		2						Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)										
		3	CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)				Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)	CCĐ Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	CCĐ Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)				Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)				Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.404)		Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.404)
		4	Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)				Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.303)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)				Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.402)				Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)		Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)
		5															CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)		CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)
	Chiều	6	Trang bị điện máy công cụ Nguyễn Văn Bảy (X10.203_PHLT Khoa CK)	Phay CNC Bùi Thị Len (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)		Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh (H3.205_Khoa SP-KT)	Kế toán doanh nghiệp II Bùi Thu Trang (H3.206_Khoa SP- KT)	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)			Vận hành máy xếp dỡ hàng hóa Phan Thanh Đạt ()	Kỹ thuật điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)		Kỹ thuật xung số Nguyễn Thị Hường ()			Phần mềm mã nguồn mở Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.209.TH Tin học)	Ktra: Thiết kế mạng LAN-1-2-2024(N03) Lê Xuân Chung (H3.111_TH THCB)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 4 09/04	Sáng	1			Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)		CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.401)	Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.401)				Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Sửa chữa bộ nguồn máy tính Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)			Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)		Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)
		2	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)				Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)						Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)				Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Anh Vân (H5.404)		Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Anh Vân (H5.404)
		3	Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)					Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.401)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.401)				Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)				CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)		CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)
		4	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)				Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)						CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)				Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)		Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)
		5	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)					Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)				CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)				CCĐ Vật lý 11_2 Chu Thị Tình (H5.404)		CCĐ Vật lý 11_2 Chu Thị Tình (H5.404)
	Chiều	6		Phay CNC Bùi Thị Len (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)			Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh (H3.205_Khoa SP-KT)	Kế toán doanh nghiệp II Bùi Thu Trang (H3.206_Khoa SP- KT)	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)			Kỹ thuật khai báo hải quan Đặng Thị Thu Hà ()	Kỹ thuật điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)		Kỹ thuật xung số Nguyễn Thị Hường ()				SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

LỚP			63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 10/04	Sáng	1	HĐHNTN 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)		HĐHNTN 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)				HĐHNTN 11_2 Chu Văn Quang (H5.402)	Sửa chữa bộ nguồn máy tính Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)			HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)		HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6		Phay CNC Bùi Thị Len (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)			Kế toán máy Bùi Thu Trang (TV_THI TN03)	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP- KT)				Xử lý bảng tính Trần Việt Anh ()	Kỹ thuật điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)		Kỹ thuật xung số Nguyễn Thị Hường ()	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Lê Sơn Thảo ()	Photoshop Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	SQL Server Phan Hoàng Lan (H2.203_TH Tin Đại cương)	SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 6 11/04	Sáng	1	CCĐ Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)		Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)	Hàn MIG/MAG Lê Văn Nam ()	Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.303)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	Kế toán máy Trần Việt Anh ()	Kế toán máy Trần Việt Anh ()		Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	Sửa chữa bộ nguồn máy tính Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)			CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)		CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)
		2	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)														Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)		Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)
		3	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.407)				Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)				Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)				Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)		Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)
		4					CCĐ Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)						Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.402)				Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)		Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)
		5	CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)				Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)	CCĐ Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	CCĐ Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)										
	Chiều	6	Trang bị điện máy công cụ Nguyễn Văn Bảy (X10.203_PHLT Khoa CK)			Hàn MIG/MAG Lê Văn Nam ()	Kế toán máy Bùi Thu Trang (TV_THI TN03)	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP- KT)		Kế toán máy Trần Việt Anh ()	Kế toán máy Trần Việt Anh ()	Vận hành máy xếp dỡ hàng hóa Phan Thanh Đạt ()	Kỹ thuật điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)		Kỹ thuật xung số Nguyễn Thị Hường ()	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Lê Sơn Thảo ()	Photoshop Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	SQL Server Phan Hoàng Lan (H2.203_TH Tin Đại cương)	SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 12/04	Sáng	1	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)			Hàn MIG/MAG Lê Văn Nam ()	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương ()	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương ()						Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)		Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)
		2					CCĐ Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)						CCĐ Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)						
		3	Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)				Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)				CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)				Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)		Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)
		4						Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)										
		5	CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)										Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)						
	Chiều	6				Hàn MIG/MAG Lê Văn Nam ()				Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương ()	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương ()								
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Chủ nhật 13/04	Sáng	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 13: Từ 07/04 Đến 13/04/2025

LỚP			63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 07/04	Sáng	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 3 08/04	Sáng	1	CCĐ Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	CCĐ Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)			Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)		Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	Tiếng anh 3 Trần Thu Hường (H3.208)
		2	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)			CCĐ Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)	CCĐ Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)											
		3	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)			Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.302)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.302)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)					
		4	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)					Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.402)	Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.403)	Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.403)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.303)					
		5	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)			CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)											
	Chiều	6		Photoshop Lê Sơn Thảo (H3.211_TH Tin Đại cương)	Thiết kế mạng LAN Quách Thu Thảo ()	Photoshop Tạ Văn Khoa ()	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Trần Hạnh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Văn bản pháp qui Trần Thị Bích Hậu (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Bảng tính điện tử Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)	Công nghệ đa phương tiện Lê Thị Châm (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Công nghệ đa phương tiện Lê Hoàng (H3.203_TH Máy tính)	Tiếng anh 3 Nguyễn Thị Nhàn (H3.101)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Tiếng anh 3 Nguyễn Thị Nhàn (H3.101)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 4 09/04	Sáng	1	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)			CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.302)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)		Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)		Tiếng anh 3 Trần Thu Hường (H3.208)
		2	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)					Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)					
		3	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)			Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)								
		4	Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.406)	Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.406)					CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)					
		5					Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)			CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)						
	Chiều	6	Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng (H3.111_TH THCB)	Photoshop Lê Sơn Thảo (H3.211_TH Tin Đại cương)	Thiết kế mạng LAN Quách Thu Thảo ()	Photoshop Tạ Văn Khoa ()		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Trần Hạnh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Văn bản pháp qui Trần Thị Bích Hậu (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Bảng tính điện tử Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)	Công nghệ đa phương tiện Lê Thị Châm (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Công nghệ đa phương tiện Lê Hoàng (H3.203_TH Máy tính)	Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

LỚP			63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 10/04	Sáng	1	HĐHNTN 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	HĐHNTN 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)			HĐHNTN 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	HĐHNTN 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Văn Thành (H5.302)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Văn Thành (H5.302)	HĐHNTN 11_2 Chu Văn Quang (H5.402)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐHNTN 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)				Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng (H3.111_TH THCB)		Thiết kế mạng LAN Quách Thu Thảo ()	SQL Server Vũ Lệ Thu ()	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỐI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Trần Hạnh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Văn bản pháp qui Trần Thị Bích Hậu (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Công nghệ đa phương tiện Lê Thị Châm (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Công nghệ đa phương tiện Lê Hoàng (H3.203_TH Máy tính)	Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.207)	Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)		
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 6 11/04	Sáng	1	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)			Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.303)				Ktra: Giáo dục chính trị-1-2-2024(N04) (TV_THI TN01)	
		2																	
		3	CCĐ Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	CCĐ Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)			Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)				Ktra: Pháp luật-1-2-2024(N04) (TV_THI TN01)	
		4	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)					CCĐ Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	CCĐ Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.402)			CCĐ Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)					
		5							CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)		CCĐ Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	CCĐ Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)					
	Chiều	6	Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng (H3.111_TH THCB)		Thiết kế mạng LAN Quách Thu Thảo ()	Photoshop Tạ Văn Khoa ()					Văn bản pháp qui Trần Thị Bích Hậu (H3.210_TH Tin Ứng dụng)			Công nghệ đa phương tiện Lê Hoàng (H3.203_TH Máy tính)	Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)	Ktra: Giáo dục chính trị-1-2-2024(N02) (TV_THI TN01)	Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)		
		7																	
		8														Ktra: Pháp luật-1-2-2024(N02) (TV_THI TN01)			
		9																	
		10																	
Thứ 7 12/04	Sáng	1	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)			Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)					
		2	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)			Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	CCĐ Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	CCĐ Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)					
		3							Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)			Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)					
		4	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)			CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)				Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)						
		5					Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)			Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)								
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Chủ nhật 13/04	Sáng	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 13: Từ 07/04 Đến 13/04/2025

LỚP			64CLG1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTT1	64LCCT2	64LCĐC2	64LCĐC3	64LCĐL1	64LCĐT1	64LCĐT2	64LCGK2	64LCHA1	64LCKT2	64LCLĐ1	64LCLG2	64LCMT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 07/04	Sáng	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 3 08/04	Sáng	1		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.107_CNTT)													
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)															
		8	Tiếng anh 3 Nguyễn Thị Nhàn (H3.101)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.107_CNTT)													
		9																	
		10																	
Thứ 4 09/04	Sáng	1		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)														
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)		Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.107_CNTT)													
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

LỚP			64CLG1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTT1	64LCCT2	64LCĐC2	64LCĐC3	64LCĐL1	64LCĐT1	64LCĐT2	64LCGK2	64LCHA1	64LCKT2	64LCLĐ1	64LCLG2	64LCMT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 10/04	Sáng	1		Tiếng Nhật (H3.103)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Tiếng anh 3 Nguyễn Thị Nhàn (H3.107_CNTT)													
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6		Tiếng anh 3 Nguyễn Hồng Yên (H3.101)	Tiếng anh 3 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.107_CNTT)													
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 6 11/04	Sáng	1		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HOA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	Tiếng anh 3 Nguyễn Thị Nhàn (H3.107_CNTT)													
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6			Tiếng anh 3 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.101)	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.107_CNTT)													
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 12/04	Sáng	1						Tiếng anh Trần Thu Hường ()			Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Tiếng anh Trần Thu Hường ()	Tiếng anh Trần Thu Hường ()	Tiếng anh Trần Thu Hường ()		Tiếng anh Trần Thu Hường ()	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.107_CNTT)
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6						Tiếng anh Trần Thu Hường ()			Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Tiếng anh Trần Thu Hường ()	Tiếng anh Trần Thu Hường ()	Tiếng anh Trần Thu Hường ()		Tiếng anh Trần Thu Hường ()	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.107_CNTT)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Chủ nhật 13/04	Sáng	1						Tiếng anh Trần Thu Hường ()			Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Tiếng anh Trần Thu Hường ()	Tiếng anh Trần Thu Hường ()	Tiếng anh Trần Thu Hường ()		Tiếng anh Trần Thu Hường ()	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.107_CNTT)
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6						Tiếng anh Trần Thu Hường ()			Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Tiếng anh Trần Thu Hường ()	Tiếng anh Trần Thu Hường ()	Tiếng anh Trần Thu Hường ()		Tiếng anh Trần Thu Hường ()	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.107_CNTT)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 13: Từ 07/04 Đến 13/04/2025

LỚP			64LCQM1	64LCS1	64LCTT1	64LCVP1	64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 07/04	Sáng	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 3 08/04	Sáng	1					Cơ kĩ thuật Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)	Máy và dụng cụ cắt Vũ Minh Cường (X10.204_PHLT Khoa CK)	Kỹ thuật điện Lê Trung Thịnh (X22.104)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Khí cụ điện Nguyễn Bá Thanh (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Kỹ thuật cảm biến Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)		Lý thuyết điều khiển tự động Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)		Vẽ kỹ thuật Nguyễn Việt Cường (X22.202)	Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)		
		2																	
		3								Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)							Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)		
		4																	
		5															Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)		
	Chiều	6					CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Vẽ kỹ thuật Lê Kiên Cường (X22.302)	Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Tách: Khí cụ điện-1-2-2024(N04) Nguyễn Trung Tuệ (...) Khí cụ điện-1-2-2024(N05) Nguyễn Bá Thanh (...)		Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)	Tách: Điện tử cơ bản-1-2-2024(N_T01) Hoàng Văn Quân (...) Điện tử cơ bản-1-2-2024(N_T02) Trần Thị Thơm (...)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Điện tử cơ bản Dương Thanh Huệ (X22.204)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)
		7					Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.403)												Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)
		8						Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)		CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)	CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)		Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)
		9					CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)		CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)					Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.401)		
		10						CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)										Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)	
Thứ 4 09/04	Sáng	1					Cơ kĩ thuật Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)	Máy và dụng cụ cắt Vũ Minh Cường (X10.204_PHLT Khoa CK)	Kỹ thuật điện Lê Trung Thịnh (X22.104)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Khí cụ điện Nguyễn Bá Thanh (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Kỹ thuật cảm biến Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)		Lý thuyết điều khiển tự động Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)		Vẽ kỹ thuật Nguyễn Việt Cường (X22.202)	Vật lý 2 Chu Thị Tình (H5.106)	Tiếng anh chuyên ngành Phan Hoàng Lan (H3.204.TH KHOA TIN)	
		2																	
		3								Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)									
		4								Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)							Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)		
		5								Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)									
	Chiều	6					Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	Vẽ kỹ thuật Lê Kiên Cường (X22.302)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.402)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Tách: Khí cụ điện-1-2-2024(N04) Nguyễn Trung Tuệ (...) Khí cụ điện-1-2-2024(N05) Nguyễn Bá Thanh (...)	Tách: Khí cụ điện-1-2-2024(N06) Ng Hồng Thao (...) Khí cụ điện-1-2-2024(N07) Đặng Việt Hùng (...)	CCĐ Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Tách: Điện tử cơ bản-1-2-2024(N_T01) Hoàng Văn Quân (...) Điện tử cơ bản-1-2-2024(N_T02) Trần Thị Thơm (...)	Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)	Điện tử cơ bản Dương Thanh Huệ (X22.204)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)
		7													Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)		
		8					Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	CCĐ Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)	CCĐ Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)					CCĐ Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)		CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)
		9					Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.307)			Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)		Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.401)		
		10							CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)		Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.402)				Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)				CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)

LỚP			64LCQM1	64LCS1	64LCTT1	64LCVP1	64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 10/04	Sáng	1					Cơ kĩ thuật Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)	Máy và dụng cụ cắt Vũ Minh Cường (X10.204_PHLT Khoa CK)	Kỹ thuật điện Lê Trung Thịnh (X22.104)		Khí cụ điện Nguyễn Bá Thanh (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Kỹ thuật cảm biến Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)			Lý thuyết điều khiển tự động Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)			Ktra: Đo lường-1-2-2024(N01) Nguyễn Việt Cường (X22.202)	Tiếng anh chuyên ngành Phan Hoàng Lan (H3.204.TH KHOA TIN)
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6					Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.403)	CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Vẽ kỹ thuật Lê Kiên Cường (X22.302)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)	Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Tách: Khí cụ điện-1-2-2024(N04) Nguyễn Trung Tuệ (...) Khí cụ điện-1-2-2024(N05) Nguyễn Bá Thanh (...)	Tách: Khí cụ điện-1-2-2024(N06) Ng Hồng Thao (...) Khí cụ điện-1-2-2024(N07) Đặng Việt Hùng (...)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)	Tách: Điện tử cơ bản-1-2-2024(N_T01) Hoàng Văn Quân (...) Điện tử cơ bản-1-2-2024(N_T02) Trần Thị Thơm (...)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Điện tử cơ bản Dương Thanh Huệ (X22.204)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)
		7						Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.306)											
		8					Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)		Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)			Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.401)		Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)
		9					Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.204)		Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)	Hoá học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.203)				
		10					Vật lí 10_2 Chu Thị Tình (H5.403)				Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.402)						CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)		Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.301)
Thứ 6 11/04	Sáng	1					LĐ (Phòng CTHSSV)		Kỹ thuật điện Lê Trung Thịnh (X22.104)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)		Kỹ thuật cảm biến Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)			Lý thuyết điều khiển tự động Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)		Vẽ kỹ thuật Nguyễn Việt Cường (X22.202)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	Tiếng anh chuyên ngành Phan Hoàng Lan (H3.204.TH KHOA TIN)
		2																	
		3																Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)	
		4								Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)									
		5								Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)									
	Chiều	6					HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Ktra: Vẽ kỹ thuật -1-2-2024(N01) Lê Kiên Cường (...)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)		Tách: Khí cụ điện-1-2-2024(N06) Ng Hồng Thao (...) Khí cụ điện-1-2-2024(N07) Đặng Việt Hùng (...)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)	Tách: Điện tử cơ bản-1-2-2024(N_T01) Hoàng Văn Quân (...) Điện tử cơ bản-1-2-2024(N_T02) Trần Thị Thơm (...)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Điện tử cơ bản Dương Thanh Huệ (X22.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.301)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 12/04	Sáng	1	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.107_CNTT)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)	Tiếng anh Nguyễn Thị Nhàn (H3.108_CNTT)	Tiếng anh Nguyễn Thị Nhàn (H3.108_CNTT)		LĐ (Phòng CTHSSV)		Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)								Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)	
		2																Vật lý 2 Chu Thị Tình (H5.106)	
		3								Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)								Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.107_CNTT)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)	Tiếng anh Nguyễn Thị Nhàn (H3.108_CNTT)	Tiếng anh Nguyễn Thị Nhàn (H3.108_CNTT)	CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)				Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)	Tách: Điện tử cơ bản-1-2-2024(N_T01) Hoàng Văn Quân (...) Điện tử cơ bản-1-2-2024(N_T02) Trần Thị Thơm (...)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)		Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)
		7						Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.307)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)				CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)
		8					CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tình (H5.403)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)			CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)				Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)		Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)		CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)
		9					Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCĐ Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)	CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)				Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)
		10					Vật lí 10_2 Chu Thị Tình (H5.403)					Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)			CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)				
Chủ nhật 13/04	Sáng	1	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.107_CNTT)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)	Tiếng anh Nguyễn Thị Nhàn (H3.108_CNTT)	Tiếng anh Nguyễn Thị Nhàn (H3.108_CNTT)													
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.107_CNTT)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)	Tiếng anh Nguyễn Thị Nhàn (H3.108_CNTT)	Tiếng anh Nguyễn Thị Nhàn (H3.108_CNTT)													
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 13: Từ 07/04 Đến 13/04/2025

LỚP			64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2	64TKT3_BX	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4
THỨ	BUỔI	TIẾT															
Thứ 2 07/04	Sáng	1															
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6															
		7															
		8															
		9															
		10															
Thứ 3 08/04	Sáng	1	Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.108)	Kỹ thuật điện Nguyễn Chí Thành (X22.102)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.205_Khoa SP-KT)	Lý thuyết tài chính tiền tệ Chu Thị Thu Hoài (H3.206_Khoa SP-KT)		Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	Quản lý thiết bị và kho bãi Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP-KT)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)		Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.301_TH LR Máy tính)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Hệ quản trị CSDL Access Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Tiếng Anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.103)	Hệ quản trị CSDL Access Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)
		2															
		3							Lịch sử 2 Lưu Thị Thuý (H5.106)					Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)			
		4			Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)						Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)			Lịch sử 2 Lưu Yên Ngọc (H5.104)			
		5							Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)								
	Chiều	6	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Vẽ kĩ thuật Chu Mạnh Vinh ()	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	Khí cụ điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)	CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	An toàn lao động Cao Thị Minh (H3.105_Khoa SP- KT)	CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)
		7								Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)			Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)
		8	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)			CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)		CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)			CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)
		9	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.401)			CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)							Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)
		10		Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)						CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)		CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)				Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuý (H5.404)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuý (H5.404)
Thứ 4 09/04	Sáng	1	Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.108)	Kỹ thuật điện Nguyễn Chí Thành (X22.102)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.205_Khoa SP-KT)	Lý thuyết tài chính tiền tệ Chu Thị Thu Hoài (H3.206_Khoa SP-KT)		Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.106)	Quản lý thiết bị và kho bãi Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP-KT)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)		Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.301_TH LR Máy tính)	Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.104)	Hệ quản trị CSDL Access Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Tiếng Anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.103)	Hệ quản trị CSDL Access Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)
		2															
		3			Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)						Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)			Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)			
		4			Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.106)		Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)						
		5			Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)						Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)						
	Chiều	6	Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)	CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Vẽ kĩ thuật Chu Mạnh Vinh ()	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	CCĐ Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	Kỹ thuật cảm biến Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	An toàn lao động Cao Thị Minh (H3.105_Khoa SP- KT)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.402)		Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)
		7	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)				Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)									Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuý (H5.404)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuý (H5.404)
		8	CCĐ Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		CCĐ Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)				Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.406)		Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.406)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)		CCĐ Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)
		9	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.401)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)						CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.307)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)
		10		Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)		CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)			Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.402)				

LỚP			64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2	64TKT3_BX	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4
THỨ	BUỔI	TIẾT															
Thứ 5 10/04	Sáng	1	Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.108)	Kỹ thuật điện Nguyễn Chí Thành (X22.102)		Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.205_Khoa SP-KT)	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP-KT)			Kinh tế vĩ mô Trương Thị Thanh Huyền (H3.105_Khoa SP- KT)		Tiếng anh chuyên ngành Vũ Lệ Thu (H2.302_TH QTM)		Tiếng anh chuyên ngành Lê Thị Châm (H2.301_TH LR Máy tính)	Hệ quản trị CSDL Access Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)	Hệ quản trị CSDL Access Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	Vẽ kĩ thuật Chu Mạnh Vinh ()	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	Kỹ thuật cảm biến Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.406)		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.406)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)		Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.404)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.404)
		7		CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)													
		8	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.401)	CCD Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)		Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	CCD Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)	CCD Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	CCD Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)
		9		CCD Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)		Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.204)	Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.203)						Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)		
		10	CCD Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)						Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.402)			Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)
Thứ 6 11/04	Sáng	1	Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.108)	Kỹ thuật điện Nguyễn Chí Thành (X22.102)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)	Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.205_Khoa SP-KT)	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP-KT)		Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	Kinh tế vĩ mô Trương Thị Thanh Huyền (H3.105_Khoa SP- KT)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)	Tiếng anh chuyên ngành Vũ Lệ Thu (H2.302_TH QTM)		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)		Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)	Hệ quản trị CSDL Access Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)
		2															
		3							Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)					Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)			
		4			Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)						Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)			Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.104)			
		5			Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)						Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)						
	Chiều	6	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.401)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	Kỹ thuật cảm biến Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.406)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.406)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Tiếng anh chuyên ngành Lê Thị Châm (H2.301_TH LR Máy tính)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.404)
		7															
		8															
		9															
		10															
Thứ 7 12/04	Sáng	1			Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)		Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)			Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)			
		2							Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.106)					Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.104)			
		3															
		4			Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)				Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)		Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)			Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)			
		5															
	Chiều	6	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)			CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)			Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)
		7		Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)		Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.307)		
		8	Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)			Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)			Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)		Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)			CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)
		9				Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)			Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)		CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)
		10					CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)								Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)		
Chủ nhật 13/04	Sáng	1															
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6															
		7															
		8															
		9															
		10															

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 13: Từ 07/04 Đến 13/04/2025

LỚP			64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4	65LCĐC1	65LCĐL1	65LCĐT1	65LCGK1	65LCGK2	65LCKT1	65LCQM1	65LCS1
THỨ	BUỔI	TIẾT															
Thứ 2 07/04	Sáng	1															
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6															
		7															
		8															
		9															
		10															
Thứ 3 08/04	Sáng	1	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)		Ktra: Mạng máy tính-1-2-2024(N08) Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Hệ quản trị CSDL Access Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)					Tin học Phùng Thị Minh Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		Tin học Phùng Thị Minh Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng ()	CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)								
		7		Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuý (H5.301)		Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.403)											
		8	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)			Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)								
		9		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)								
		10	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)				CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)										
Thứ 4 09/04	Sáng	1	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)		Cơ sở dữ liệu Tạ Văn Khoa (H3.108_CNTT)	Cơ sở dữ liệu Tạ Văn Khoa (H3.108_CNTT)	Hệ quản trị CSDL Access Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)					Tin học Phùng Thị Minh Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		Tin học Phùng Thị Minh Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6	CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng ()	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)								
		7															
		8	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)		Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)								
		9	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)										
		10	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)				CCĐ Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)	CCĐ Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)								

LỚP			64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4	65LCĐC1	65LCĐL1	65LCĐT1	65LCGK1	65LCGK2	65LCKT1	65LCQM1	65LCS1
THỨ	BUỔI	TIẾT															
Thứ 5 10/04	Sáng	1	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)		Cơ sở dữ liệu Tạ Văn Khoa (H3.108_CNTT)	Cơ sở dữ liệu Tạ Văn Khoa (H3.108_CNTT)	Hệ quản trị CSDL Access Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)								
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng ()	Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.403)	CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.201)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.201)					Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh ()			
		7	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)				Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.306)										
		8	CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)		CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)								
		9	CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.301)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)								
		10	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)			Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)								
Thứ 6 11/04	Sáng	1	Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1-1-2-2024(N01) (...)	Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1-1-2-2024(N02) (...)		Tiếng Anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.103)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H3.208)	Tiếng Anh 2 Trần Thu Hường (H3.207)	Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)								
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.301)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.201)					Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh ()			
		7															
		8															
		9															
		10															
Thứ 7 12/04	Sáng	1												Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh ()			
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)		CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)					Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh ()			
		7	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)	CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)			Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.201)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.201)								
		8	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)										
		9		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCĐ Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)								
		10				Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)											
Chủ nhật 13/04	Sáng	1												Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh ()			
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6												Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh ()			
		7															
		8															
		9															
		10															